

Nội dung bài viết

1. [Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 11: Sources of Energy](#)
 1. [A. Reading trang 79 - 80 - 81 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 2. [B. Language Focus trang 81 - 82 - 83 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 3. [C. Speaking trang 84 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 4. [D. Writing trang 84 - 85 - 86 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 11: Sources of Energy

A. Reading trang 79 - 80 - 81 SBT Tiếng Anh lớp 11

Part 1. Read the passage and then do the exercises that follow. (Đọc đoạn văn rồi làm các bài tập **sau**.)

Hướng dẫn dịch:

Cuộc sống trên Trái đất phụ thuộc nhiều vào ánh mặt trời. Mỗi ngày **chúng** ta nhìn thấy ánh sáng của nó và cảm nhận được sự ấm áp của nó, nhưng **chúng** ta thường không tìm hiểu nguồn gốc của nó. Tuy nhiên, có rất nhiều điều đáng **chú** ý về mặt trời. Một là khoảng cách của nó tính từ trái đất. Khoảng 93.000.000 dặm. Một hành trình với khoảng cách này, ngay cả khi nó có thể được thực hiện, sẽ mất vài trăm năm thậm chí với tên lửa nhanh nhất.

Mặt trời là một ngôi sao lớn. Trái đất rất nhỏ so với nó. Một trăm lẻ chín quả địa cầu với kích cỡ của trái đất để trải dài từ phía này của mặt trời sang phía bên kia. Mặt trời làm cho **chúng** ta cảm thấy nóng, thậm chí ở khoảng cách 93.000.000 dặm. Điều này không đáng ngạc nhiên. Nhiệt độ trên mặt trời là khoảng 10.000 độ Fahrenheit. Nhưng **chúng** ta chỉ nhận được một phần nhỏ của nhiệt này. Tổng sức nóng của mặt trời có thể làm tan chảy một cột băng dày 2,25 dặm và cao 93.000.000 dặm trong một giây.

Độ sáng của mặt trời cũng không kém. Mặt trời làm cho ánh sáng rực rỡ hơn 1.575.000.000.000.000 (một ngàn năm trăm bảy mươi lăm tỷ tỷ) nến sáp sẽ là cần thiết để tạo ra ánh sáng tương đương. Hàng loạt những con số này cho **chúng** ta một vài ý tưởng về sự sáng chói của mặt trời. Như **chúng** ta đã nói, **chúng** ta chỉ nhận được một phần rất nhỏ của nhiệt của mặt trời. **Chúng** ta cũng chỉ nhận được một phần nhỏ ánh sáng của nó. Điều này là đủ cho sự phát triển của cây cối và cây cối, và cho sự tồn tại của sinh vật trên trái đất. Quá nhiều nhiệt và ánh sáng sẽ phá hủy sự cân bằng của cuộc sống. Nhiệt và ánh sáng từ mặt trời chỉ truyền đến với một lượng chuẩn nào đó đủ cho cho cuộc sống trên trái đất.

Exercise 1. Decide whether the following statements are true (T) or false (F). (Xác định xem khẳng định nào đúng (T), câu nào sai (F).)

1. Mặt trời lớn nhất trong các hành tinh.
2. Khoảng cách từ trái đất đến mặt trời là quá lớn đối với **chúng** tôi để đi du hành đến đó.
3. Ánh sáng mặt trời đến từ hàng tỷ sấp nển.
4. Hầu hết nhiệt và ánh sáng của mặt trời đều được nhận trên trái đất.
5. Nếu không có sự cân bằng chính xác của nhiệt và ánh sáng, cuộc sống trên trái đất sẽ không thể tồn tại.

Đáp án:

1. F 2. T 3. F 4. F 5. T

Exercise 2: Choose the best option A, B, C or D to complete each of the sentences. (Chọn đáp án phù hợp nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu **sau**.)

Đáp án:

1. A 2. A 3. A 4. D

Part 2. Read the passage and choose the best option A, B or C to complete each of the following sentences. (Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu **sau**.)

Hướng dẫn dịch:

Hầu hết năng lượng của **chúng** ta là từ than, dầu và khí đốt. Một ngày nào đó những nhiên liệu hóa thạch này sẽ được tiêu thụ hết. **Chúng** ta nên cẩn thận khi sử dụng **chúng** và sử dụng ít hơn. Thái độ của **chúng** ta đối với năng lượng trong 20 năm tới sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hành tinh trong nhiều thế kỷ. Tạo ra điện từ gió là một nguồn năng lượng tốt, sạch sẽ cho một số người, nhưng là một sự xâm nhập vào cảnh quan đối với những người khác. Một nhà phê bình mô tả họ "giống như bàn chải nhà vệ sinh làm biến dạng nông thôn".

Rừng nhiệt đới rất phong phú. **Chúng** có thể chỉ chiếm 6% bề mặt trái đất, nhưng **chúng** hỗ trợ hơn 2/3 số loài động thực vật trên thế giới. Các nhà khoa học tin rằng một phần tư triệu loài thực vật có thể bị tuyệt chủng trong đời sống của con **chúng** ta phần lớn là do nạn phá rừng. Rừng là nguồn cung cấp cây **thuốc** quan trọng và vì vậy bằng cách phá hủy rừng, **chúng** ta có thể tiêu diệt các loại **thuốc** có thể chữa được ung thư và các

bệnh nghiêm trọng khác. Trong thời gian bạn phải tập thể dục, bốn loài nữa sẽ bị tuyệt chủng.

Hơn ba phần tư nước ngọt của thế giới bị giữ trong những tảng băng của Nam Cực và Nam Cực. Một lượng nhỏ nước tinh khiết này sẽ đủ để biến đổi vùng khô hạn của thế giới thành đất màu mỡ. Các kỹ sư nghĩ rằng có thể vận chuyển một tảng băng trôi lên đến 10 kilômét chiều dài bằng cách sử dụng một chiếc kéo có kích thước của một chiếc siêu lê để kéo nó. Sa mạc Sahara có lợi thế là gần biển và có thể tưới bằng nước từ tảng băng trôi mà không cần tốn chi phí đường ống dẫn đường dài.

Đáp án:

1. C 2. B 3. A

B. Language Focus trang 81 - 82 - 83 SBT Tiếng Anh lớp 11

Exercise 1. Below are the transcriptions of some words. Write the orthographic forms of the words. (Dưới đây là dạng phiên âm của 1 vài từ. Hãy viết dạng đúng của từ đó ra.)

Đáp án:

1. shrink
2. sprout
3. splendid
4. splash
5. shrug
6. shivel

Exercise 2. Choose the best option A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation. (Chọn đáp án A, B, C hoặc D để chỉ ra từ có phần gạch chân phát âm khác với 3 đáp án còn lại.)

Đáp án:

1. B 2. D 3. C 4. A 5. B

Exercise 3. Choose the best option A, B, C or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress. (Chọn đáp án A, B, C hoặc D để chỉ ra từ có trọng âm khác với các từ còn lại.)

Đáp án:

1. D 2. A 3. C 4. B 5. A

Giải thích:

1. D. Trọng âm 1, các từ còn lại trọng âm 2.
2. A. Trọng âm 2, các từ còn lại trọng âm 1.
3. C. Trọng âm 2, các từ còn lại trọng âm 1.
4. B. Trọng âm 1, các từ còn lại trọng âm 2.
5. A. Trọng âm 2, các từ còn lại trọng âm 1.

Exercise 4. Choose the best option A, B, c or D to complete each of the sentences. (Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu *sau*.)

Đáp án:

1. A 2. C 3. C 4. C 5. A
6. C 7. D 8. D 9. C 10. A
11. C 12. D 13. C 14. A 15. B
16. A 17. B 18. B 19. B 20. C

Hướng dẫn dịch:

1. Năng lượng mặt trời sạch và có rất nhiều ở những nơi có nắng.
2. Người dân ở những quốc gia nghèo phải dành hàng giờ mỗi ngày để thu gom gỗ nhiên liệu.
3. Trái Đất xoay quanh Mặt trời 1 lần trong 365 ngày.
4. Trọng lực là lực kéo của các hạt vật chất.

5. Nhiệt độ của Mặt trời cao hơn nhiệt độ Trái đất.
6. Địa điểm lý tưởng nhất để đi câu cá ở Hà Nội là hồ Tây.
7. Khí sinh học được sử dụng chủ yếu trong nấu ăn và sưởi ấm.
8. Cuộc sống trên Trái đất phụ thuộc vào Mặt trời.
9. Ở một vài quốc gia, người dân sử dụng gió hoặc sóng biển như các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường.
10. Mọi người đã sử dụng than đá và dầu để tạo ra điện trong một thời gian dài.
11. Than đá và dầu khí là những nguồn năng lượng không thể tái tạo.
12. Con người trên Trái đất đang cần nhiều hơn năng lượng nguyên tử.
13. Mọi người phải tìm kiếm các nguồn năng lượng mới vì than và dầu sẽ được sử dụng hết.
14. Xu hướng sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo đang gia tăng.
15. Khói **thuốc** làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người.
16. Năm 1995, bộ phim cho trẻ em hàng đầu để xem là Pocahontas.
17. John đã không thể đến sân chơi với **chúng** tôi vì anh ấy có một báo cáo phải viết cho ngày hôm **sau**.
18. Anh ấy rất bận rộn với **công** việc của mình nên anh ấy không có thời gian để nói chuyện với bạn bè.
19. Nhờ ánh sáng và sức nóng của mặt trời đã làm cho cuộc sống của **chúng** ta có thể tồn tại.
20. Khí sinh học là nguồn năng lượng lớn nhất có sẵn ở các vùng nông thôn ở các nước đang phát triển.

C. Speaking trang 84 SBT Tiếng Anh lớp 11

Exercise 1. The following statements list some advantages and disadvantages of various sources of energy. Write A for the advantages and D for the disadvantages. (Các khẳng định **sau** liệt kê các lợi ích và bất lợi của các nguồn năng lượng. Viết A đối với các câu là lợi ích, D với các câu là bất lợi.)

Hướng dẫn dịch:

1. Mặt trời phát ra một lượng lớn năng lượng.
2. Nó là tốn kém để thu thập năng lượng mặt trời.
3. Phải mất hàng triệu năm để tạo ra nhiên liệu hóa thạch.
4. Bức xạ nguy hiểm.
5. Lò phản ứng hạt nhân cung cấp một lượng lớn năng lượng.
6. Động cơ xăng gây ô nhiễm không khí.
7. Năng lượng mặt trời không giới hạn.
8. Năng lượng mặt trời không gây ô nhiễm không khí, nước hoặc đất.
9. Việc cung cấp nhiên liệu hóa thạch bị hạn chế.
10. Năng lượng mặt trời an toàn.
11. Gió chỉ cung cấp một lượng năng lượng nhỏ.
12. Không thể thu năng lượng mặt trời vào ban đêm.

Đáp án:

1. A 2. D 3. D 4. D 5. A 6. D
7. A 8. A 9. D 10. A 11. D 12. D

Exercise 2. Use the suggestions in Exercise 1 to talk about the advantages of using solar energy. (Sử dụng các gợi ý ở bài tập 1 để nói về các lợi ích của việc sử dụng năng lượng mặt trời.)

Bài mẫu:

Solar energy can be used directly to heat, and light homes or it can be converted into electricity using solar energy technologies like solar panels. People are increasingly investing in solar energy to save on out-of-pocket costs and get rid of dangerous and expensive power lines.

Hướng dẫn dịch:

Năng lượng mặt trời có thể được sử dụng trực tiếp để sưởi ấm, và thắp sáng nhà hoặc nó có thể được chuyển đổi thành điện sử dụng công nghệ năng lượng mặt trời như tấm pin mặt trời. Mọi người đang ngày càng đầu tư vào năng lượng mặt trời để tiết kiệm chi phí và loại bỏ các đường dây điện nguy hiểm và đắt tiền.

D. Writing trang 84 - 85 - 86 SBT Tiếng Anh lớp 11

Exercise 1. Rewrite the following sentences. Change the relative clauses into participial clauses. (Viết lại các câu sau. Thay đổi các mệnh đề quan hệ thành mệnh đề phân từ.)

Example:

Do you know the woman who is coming toward us?

⇒ Do you know the woman coming toward us?

Đáp án:

1. The people waiting for the bus in the rain are getting wet.
2. I come from a city located in the southern part of the country.
3. The children attending that school receive a good education.
4. The scientists researching the causes of cancer are making progress.
5. The fence surrounding our house is made of wood.
6. They live in a house built in 1980.
7. We have an apartment overlooking the park.

Hướng dẫn dịch:

1. Những người chờ xe buýt dưới mưa đang bị ướt.
2. Tôi đến từ một thành phố nằm ở phía nam của đất nước.
3. Các em học ở trường đó nhận được một nền giáo dục tốt.
4. Các nhà khoa học nghiên cứu nguyên nhân ung thư đang tiến triển.
5. Hàng rào bao quanh nhà chúng tôi được làm bằng gỗ.

6. Họ sống trong một ngôi nhà được xây dựng vào năm 1980.

7. Chúng tôi có một căn hộ nhìn ra công viên.

Exercise 2. Study the diagram of a solar water heater. Match the parts of the diagram (A, B, and C) with its descriptions (1, 2, and 3). (Đọc sơ đồ mô hình máy sưởi chạy bằng năng lượng mặt trời sau. Nối các phần ở sơ đồ (A, B và C) với các mô tả của nó (1, 2 và 3).)

Đáp án:

1. C 2. A 3. B

Hướng dẫn dịch:

Các phần được đặt trên mái nhà của một ngôi nhà hoặc một tòa nhà: một bề mặt màu đen hoặc phẳng, đường ống với nước bên trong, một mảnh thủy tinh trên đầu trang để thu thập thêm sức nóng từ mặt trời.

Một máy bơm: một máy để di chuyển nước, máy bơm bắt đầu khi nước đủ ấm.

Một bể chứa: để giữ nước nóng.

Exercise 3. Describe the diagram in Exercise 2. (Miêu tả lại sơ đồ ở bài tập 2.)

Bài mẫu:

A solar water heater is one type of solar collectors. It is put on the roof of a house or a building. The unit has a flat or level black surface. Inside the unit there are pipes with water. On the top of the unit there is a piece of glass to attract the sunrays. The sun shines through the glass and the air inside. It heats the water inside the pipes. When the water is warm enough, the pump starts and it moves the warm water into a storage tank. The tank then keeps the hot water and stores the water for daily use in the house.

Hướng dẫn dịch:

Một máy nước nóng năng lượng mặt trời là một loại thu năng lượng mặt trời. Nó được đặt trên mái nhà của một ngôi nhà hoặc một tòa nhà. Đơn vị có bề mặt màu đen hoặc phẳng. Bên trong đơn vị có những đường ống với nước. Trên đỉnh của đơn vị có một mảnh kính để thu hút tia mặt trời chiếu. Mặt trời chiếu qua kính và không khí bên trong. Nó làm nóng nước bên trong các đường ống. Khi nước đủ ấm, bơm bắt đầu và nó sẽ chuyển nước ấm vào bể chứa. Các bể sau đó giữ nước nóng và lưu trữ nước để sử dụng hàng ngày trong nhà.

